

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
A	B	1	2	4	5
	TỔNG SỐ	765.169	294.330	461.337	9.502
A	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	380.852	0	380.852	0
I	Cấp huyện	110.685	0	110.685	0
1	Hội LHPN	916		916	
2	Hội nông dân	1.228		1.228	
3	Hội Cựu Chiến Binh	781		781	
4	Văn phòng huyện uỷ	11.644		11.644	
5	MTTQ	1.339		1.339	
6	Huyện đoàn	812		812	
7	Phòng NN & PTNT	1.217		1.217	
8	Hội chữ thập đỏ	528		528	
9	Phòng LĐ - TB&XH	51.263		51.263	
10	Phòng Y tế	943		943	
11	Phòng Tư Pháp	714		714	
12	Phòng GD-ĐT	1.844		1.844	
13	Phòng VH & TT	1.235		1.235	
14	VP HĐND và UBND	5.447		5.447	
15	Kinh tế và hạ tầng	1.126		1.126	
16	Thanh Tra	1.040		1.040	
17	Phòng TC-KH	1.287		1.287	
18	Phòng TN-MT	1.474		1.474	
19	Phòng Nội Vụ	2.873		2.873	
20	Ban quản lý dự án đầu tư và DVCC	2.171		2.171	
21	Trung tâm VH TTDL&TT	2.614		2.614	
22	Trạm khuyến nông	1.630		1.630	
23	Cơ quan TT HĐND	1.809		1.809	
24	Trung tâm Chính trị	1.444		1.444	
25	Trung tâm GDNN-GDTX	7.232		7.232	
26	Trung tâm Phát triển CCN	759		759	
27	Trung tâm phát triển quỹ đất	765		765	
28	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	3.254		3.254	
29	Công an huyện	856		856	
30	Chi cục thống kê khu vực LTPN	50		50	
31	Hội khuyến học huyện	65		65	
32	Hội VH-NT	65		65	
33	Hội nạn nhân chất độc da cam	65		65	
34	Hội cựu thanh niên xung phong	65		65	
35	Hội Đông y	65		65	
36	Hội Cựu giáo chức	65		65	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
II	Khối Giáo dục	270.167	0	270.167	0
	Khối Mầm non	71.730	0	71.730	0
1	MN Bản Nguyên	5.646		5.646	
2	MN Cao Xá 1	4.494		4.494	
3	MN Cao Xá 2	3.959		3.959	
4	MN Liên Cơ	3.622		3.622	
5	MN Phùng Nguyên 1	4.370		4.370	
6	MN Phùng Nguyên 2	5.557		5.557	
7	MN Sơn Vi 1	4.157		4.157	
8	MN Sơn Vi 2	4.359		4.359	
9	MN Thạch Sơn	5.263		5.263	
10	MN Tiên Kiên	3.610		3.610	
11	MN TT Hùng Sơn	3.034		3.034	
12	MN TT Lâm Thao	3.819		3.819	
13	MN Tứ Xã 1	3.349		3.349	
14	MN Tứ Xã 2	4.422		4.422	
15	MN Vĩnh Lại	4.712		4.712	
16	MN Xuân Huy	3.709		3.709	
17	MN Xuân Lũng	3.648		3.648	
	Khối Tiểu học	111.646	0	111.646	0
1	TH Bản Nguyên 1	4.986		4.986	
2	TH Bản Nguyên 2	5.286		5.286	
3	TH Cao Mại	10.756		10.756	
4	TH Cao Xá	9.294		9.294	
5	TH Phùng Nguyên 1	6.290		6.290	
6	TH Phùng Nguyên 2	8.233		8.233	
7	TH Sơn Vy	9.449		9.449	
8	TH Supe	10.212		10.212	
9	TH Thạch Sơn	9.201		9.201	
10	TH Tiên Kiên	8.172		8.172	
11	TH Tứ Xã 1	5.103		5.103	
12	TH Tứ Xã 2	5.520		5.520	
13	TH Vĩnh Lại	7.460		7.460	
14	TH Xuân Huy	5.973		5.973	
15	TH Xuân Lũng	5.711		5.711	
	Khối Trung học cơ sở	86.791	0	86.791	0
1	THCS Bản Nguyên	6.372		6.372	
2	THCS Cao Mại	6.743		6.743	
3	THCS Cao Xá	8.186		8.186	
4	THCS Phùng Nguyên 1	3.901		3.901	
5	THCS Phùng Nguyên 2	5.451		5.451	
6	THCS Sơn Vy	7.405		7.405	
7	THCS Supe	7.544		7.544	
8	THCS Thạch Sơn	5.631		5.631	
9	THCS Tiên Kiên	5.314		5.314	
10	THCS Tứ Xã	6.907		6.907	
11	THCS Vĩnh Lại	5.480		5.480	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
12	THCS Vũ Duệ	8.007		8.007	
13	THCS Xuân Huy	4.737		4.737	
14	THCS Xuân Lũng	5.113		5.113	
B	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	9.502			9.502
C	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	80.485	0	80.485	
1	Xuân Huy	6.451		6.451	
2	Xuân Lũng	8.024		8.024	
3	Thạch Sơn	5.551		5.551	
4	Tiên Kiên	7.145		7.145	
5	Sơn Vi	6.147		6.147	
6	Phùng Nguyên	9.719		9.719	
7	Tứ Xã	5.988		5.988	
8	Bản Nguyên	7.691		7.691	
9	Vĩnh Lại	6.762		6.762	
10	Cao Xá	7.456		7.456	
11	Lâm Thao	4.193		4.193	
12	Hùng Sơn	5.359		5.359	
D	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	240.000	240.000	0	0
1	Bản Nguyên	12.300	12.300		
2	Sơn Vi	16.590	16.590		
3	Xuân Huy	11.000	11.000		
4	Xuân Lũng	6.500	6.500		
5	Tiên Kiên	12.300	12.300		
6	Cao Xá	7.360	7.360		
7	Tứ Xã	16.329	16.329		
8	Vĩnh Lại	8.400	8.400		
9	Thạch Sơn	9.100	9.100		
10	Phùng Nguyên	18.827	18.827		
11	Lâm Thao	15.800	15.800		
12	Hùng Sơn	21.000	21.000		
13	Trung tâm Phát triển CCN	1.200	1.200		
14	Ban quản lý dự án đầu tư và DVCC	68.971	68.971		
15	Phòng Tài nguyên Môi trường	3.500	3.500		
16	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	6.008	6.008		
17	Phòng VH & TT	1.300	1.300		
18	Trung tâm VHTTDL&TT	215	215		
19	Quỹ hỗ trợ hội nông dân	100	100		
20	Ngân hàng chính sách	1.200	1.200		
21	Chi phí liên quan đấu giá quyền sử dụng đất	2.000	2.000		
E	Chi đầu tư lĩnh vực sự nghiệp	54.330	54.330	0	0
1	Bản Nguyên	10.370	10.370		
2	Sơn Vi				
3	Xuân Huy				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH
4	Xuân Lũng	5.370	5.370		
5	Tiên Kiên	4.100	4.100		
6	Cao Xá	5.970	5.970		
7	Tứ Xã	5.850	5.850		
8	Vĩnh Lại	3.700	3.700		
9	Thạch Sơn	680	680		
10	Phùng Nguyên	9.680	9.680		
11	Lâm Thao				
12	Hùng Sơn	4.280	4.280		
13	Ban quản lý dự án đầu tư và DVCC	4.330	4.330		